

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26- 3- 2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Trường;

Ông Trần Hà Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Chuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm H, xã G, huyện G, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị L tự nguyện tìm hiểu, kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã G cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02- 02- 2007. Sau đó, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do chị L nghi ngờ anh ngoại tình, ngoài ra vợ chồng luôn xung đột do tính tình không hợp. Nay anh xác định cuộc sống chung quá mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Đình H1, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2008; Phạm Đình L1, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2010 và Phạm Đình S, sinh ngày 15 tháng 04 năm 2021; Nếu ly hôn anh nhận nuôi con chung là Phạm Đình H1 và Phạm Đình L1 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản: Anh không đề nghị giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai tại Tòa án bị đơn chị Vũ Thị L:

Chị thừa nhận về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, cũng như về con chung như anh H trình bày. Anh H ngoại tình nhưng chị không có căn cứ cụ thể. Vợ chồng đã nhiều năm không sinh hoạt chung, nói chuyện với nhau. Chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng anh H nuôi con, nếu anh H cương quyết ly hôn thì chị yêu cầu anh H phải giải quyết xong việc thỏa thuận về tài sản chung. Trong trường hợp ly hôn, chị nhận nuôi con chung là Phạm Đình S, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị mong muốn Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn nhưng chị không có điều kiện nộp án phí, hai vợ chồng chị đang tự giải quyết, nay chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại xã G, huyện G: Việc kết hôn, chung sống vợ chồng, con chung như anh Phạm Văn H trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho ly hôn giữa anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị L. Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Phạm Đình H1, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2008 và Phạm Đình L1, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Phạm Đình S, sinh ngày 15 tháng 04 năm 2021 cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị Liên kết H2 hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng của anh H, chị L không có hạnh phúc, vợ chồng đã không

sinh hoạt chung, nói chuyện với nhau trong thời gian dài, anh H xin ly hôn chị L không nhất trí nhưng không có giải pháp hoà giải đoàn tụ vợ chồng. Ngoài ra, chị L có lý do anh H ngoại tình, tuy nhiên không có căn cứ chứng minh; vì vậy không đủ cơ sở xem xét. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị L, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về việc nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Đình H1, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2008; Phạm Đình L1, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2010 và Phạm Đình S, sinh ngày 15 tháng 04 năm 2021. Căn cứ vào điều kiện, nguyện vọng của anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị L, đủ cơ sở giao cho: Anh Phan Văn H3 trực tiếp nuôi con chung là Phạm Đình H1, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2008; Phạm Đình L1, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2010. Chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi con chung là Phạm Đình S, sinh ngày 15 tháng 04 năm 2021. Cả anh H3, chị L đều không yêu cầu cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra, cần ghi nhận việc anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở như quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản: Chị Vũ Thị L có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản, tuy nhiên sau khi nhận được Thông báo nộp tạm ứng án phí, chị L đã không nộp; tại phiên toà chị L không đề nghị giải quyết. Vì vậy, Toà án không giải quyết yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án này.

[4] Về án phí: Anh Phạm Văn H là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị L.

2. Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; đủ cơ sở giao cho: Anh Phan Văn H3 trực tiếp nuôi con chung là Phạm Đình H1, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2008; Phạm Đình L1, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2010; giao cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi con chung là Phạm Đình S, sinh ngày 15 tháng 04 năm 2021. Anh Phạm Văn H và chị Vũ Thị L đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc: Anh Phạm Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002230 ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Anh Phạm Văn H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự: 02 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy: 01 bản;
- UBND xã Giao Hà: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên